

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ TẦN SỐ DỊCH BỆNH HEO TAI XANH TẠI BẾN TRE (TỪ THÁNG 8 ĐẾN 10 NĂM 2010)

Phan Trung Nghĩa¹ Nguyễn Như Thanh²

TÓM TẮT

Tiến hành khảo sát trên 4.656 heo trong các hộ có heo bệnh tai xanh (PRRS) tại tỉnh Bến Tre từ tháng 8-10/2010 nhằm ghi nhận một số đặc điểm dịch tễ học của bệnh. Kết quả cho thấy:

- Tỷ lệ mắc bệnh trong đàn có bệnh là 80,4% [79,3 - 81,6], tỉ lệ chết là 6,6% [5,9-7,3]
- Tỷ lệ mắc của heo nái, heo thịt và heo con trong đàn có bệnh lần lượt là 72,2% [68,8 - 75,5], 5,0% [4,2 - 6], 69,2% [66,9 - 71,5].
- Tốc độ lây lan trong đàn có bệnh bình quân trong 1 ngày là 9/1000 con có nguy cơ mắc (tỉ suất mới mắc).
- Dịch bệnh xảy ra tập trung phần lớn trên những hộ chăn nuôi với qui mô nhỏ, chủ yếu là ở nhóm hộ chăn nuôi dưới 40 con (78%) số heo bệnh giảm dần theo qui mô đàn, hộ nuôi 80 -100 con chỉ còn 1,9% và 2,5%.

Từ khóa: Heo, Bệnh tai xanh, Tỷ lệ mắc bệnh, Tỷ lệ chết, Tần số dịch bệnh, Tỉnh Bến Tre

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh heo tai xanh , còn có tên gọi là Hội chứng rối loạn sinh sản, hô hấp trên heo (Porcine Reproductive and Respiratory Syndrome – PRRS) là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đối với heo, do virus gây ra. Bệnh lây lan nhanh, diễn biến phức tạp, làm chết nhiều heo và gây thiệt hại rất lớn cho ngành chăn nuôi heo.

Bến Tre là một trong nhiều tỉnh, thành của cả nước đã xảy ra dịch heo tai xanh bắt đầu từ năm 2008 cho đến nay. Dịch đã gây những thiệt hại nặng cho người chăn nuôi và nguy cơ vẫn còn đe dọa lâu dài trong thời gian tới. Là bệnh mới xuất hiện ở Bến Tre trong những năm gần đây, do vậy việc nghiên cứu, định lượng về các tần số đo lường dịch bệnh tai xanh tại Bến Tre để lượng hóa mức độ trầm trọng, lây lan, có ý nghĩa thực tế, góp phần bổ sung tư liệu cũng như thực tiễn vào công tác phòng, chống dịch có hiệu quả, giảm thiệt hại do bệnh gây ra. Xuất phát từ tình hình trên, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: ***"Một số đặc điểm về tần số dịch bệnh heo tai xanh tại Bến Tre (từ tháng 8 đến 10 năm 2010)"***

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Nội dung nghiên cứu

- Xác định bệnh tai xanh,
- Phân tích một số tần số dịch bệnh từ tháng 8 đến tháng 10/2010 tại Bến Tre:
 - + Tỷ lệ mắc, tỉ lệ chết trong đàn có bệnh
 - + Tỷ suất mới mắc
 - + So sánh tỉ suất mới mắc tại một số huyện, xã có dịch trong tỉnh.
 - + Tỷ lệ hộ có dịch theo qui mô nuôi.
 - + Tỷ lệ mắc bệnh theo lứa tuổi heo.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Dựa trên kết quả xác định bệnh của Cơ quan Thú Y vùng VI, chúng tôi tiến hành điều tra hồi cứu các ổ dịch xảy ra tại Bến Tre từ tháng 8 -10/2010 bằng bảng câu hỏi điều tra.
- Xây dựng và phân tích cơ sở dữ liệu bằng Microsoft Excel 2003.
- Phân tích các tần số dịch bệnh theo phương pháp nghiên cứu dịch tễ học thú y của Nguyễn Như Thanh, 2011, NXB Khoa học và Công Nghệ

¹ Chi cục thú y Bến Tre

² Đại học nông nghiệp Hà Nội

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả xác định bệnh

Khi dịch xảy ra, với những biểu hiện lâm sàng của bệnh có thể nghi bệnh là do virus tai xanh gây ra, để xác định bệnh chính xác, chúng tôi đã tiến hành chọn và lấy một số mẫu bệnh phẩm của heo nghi mắc bệnh, dựa trên những triệu chứng lâm sàng và bệnh tích của bệnh tại các ổ dịch đầu tiên xảy ra trên địa bàn tỉnh, bệnh phẩm được lấy trên mỗi heo nghi bệnh gồm: phổi, lách, thận và các hạch amidan, hạch phổi, hạch bẹn nông gửi về Trung tâm Chẩn đoán xét nghiệm thuộc Cơ quan Thú y Vùng VI, Thành phố Hồ Chí Minh để xác định bệnh.

Kết quả các mẫu bệnh phẩm gửi xét nghiệm đều dương tính với virus tai xanh.

3.2. Tỷ lệ mắc bệnh do bệnh heo tai xanh trong đàn có bệnh

Tiến hành khảo sát trên 4.656 heo trong các hộ có bệnh tai xanh ở 4 huyện trong tỉnh từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2010, chúng tôi đã ghi nhận được kết quả, trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ mắc bệnh heo tai xanh trong đàn có bệnh

<i>Huyện có dịch</i>	<i>Tổng đàn dễ mắc</i>	<i>Số con mắc</i>	<i>Tỷ lệ mắc</i>	<i>95% CI</i>
H. Bình Đại	419	211	50,4%	[45,5 - 55,2]
H. Châu Thành	70	48	68,6%	[56,4 - 79,1]
H. Mỏ Cày Nam	3.961	3.374	85,2%	[84 - 86,3]
H. Thạnh Phú	204	111	54,4%	[47,3 - 61,4]
Tổng số	4.654	3.744	80,4%	[79,3 - 81,6]

Qua bảng 1 cho thấy:

Tỷ lệ mắc bệnh heo tai xanh trong đàn có bệnh là 80,4% [79,3 - 81,6], cao nhất là huyện Mỏ Cày Nam (85,2%) và thấp nhất là huyện Bình Đại (50,4%). Theo chúng tôi có thể là do huyện Mỏ Cày Nam có mật độ nuôi heo cao hơn nhiều so với các huyện khác trong tỉnh, mật độ nuôi heo nhiều, do đó các dịch vụ khác như tình hình buôn bán, vận chuyển, tập trung, giết mổ cũng nhiều hơn, khi dịch xảy ra thì dễ lây lan nhanh hơn, trầm trọng hơn do môi trường ô nhiễm.

3.3. Tỷ lệ chết do bệnh heo tai xanh trong đàn có bệnh

Khi khảo sát về tỷ lệ chết trong các hộ có heo bệnh, chúng tôi đã thu được theo số liệu ghi ở bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ chết do bệnh heo tai xanh trong đàn có bệnh

<i>Huyện có dịch</i>	<i>Tổng đàn dễ mắc</i>	<i>Số con chết</i>	<i>Tỷ lệ chết</i>	<i>95% CI</i>
H. Bình Đại	419	24	5,7%	[3,7 - 8,4]
H. Châu Thành	70	3	4,3%	[0,9 - 12]
H. Mỏ Cày Nam	3.961	268	6,8%	[6 - 7,6]
H. Thạnh Phú	204	11	5,4%	[2,7 - 9,4]
Tổng số	4.654	306	6,6%	[5,9 - 7,3]

Qua bảng 2 cho thấy:

Tỷ lệ chết do bệnh heo tai xanh trong đàn có bệnh là 6,6% [5,9-7,3], cao nhất là huyện Mỏ Cày Nam (6,8%) và thấp nhất là huyện Châu Thành (4,3%). Tuy nhiên sự khác biệt giữa các huyện không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Kết quả ghi nhận của chúng tôi có khác biệt so với số liệu của Cơ quan thú y Vùng 6 (2010) khi khảo sát về bệnh tai xanh trong khu vực với tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ chết lần lượt là 57,4% và 32,4%. Điều này có thể do tại Bến Tre, người nuôi được khuyến cáo và hướng

dẫn các phương pháp phát hiện và phòng trị cho đàn heo ngay từ đầu khi mới phát bệnh, nên thời gian lưu bệnh tại Bến Tre ngắn hơn, số heo bệnh hồi phục nhiều hơn nên số chết cũng ít hơn.

3.4. Tỷ suất mới mắc

Theo dõi 4.654 con heo tại 161 hộ có dịch thuộc 4 huyện trong tỉnh từ ngày 9/8 đến ngày 5/11/2010, chúng tôi ghi nhận kết quả tại bảng 3.

Bảng 3. Tỷ suất mới mắc của bệnh heo tai xanh

Huyện có dịch	Xã có dịch	Thời gian có dịch		Số ngày có dịch	Tổng đàn để mắc	Số con mới mắc	Tỷ suất mới mắc (con-ngày)
Bình Đại	Châu Hưng	21/8/10	30/8/10	10	210	25	0,012
	Vang Quới Tây	21/8/10	9/10/10	50	209	186	0,018
		21/8/10	9/10/10	50	419	211	0,010
Châu Thành	An Hóa	9/8/10	17/9/10	40	59	37	0,016
	Tường Đa	6/9/10	17/9/10	12	11	11	0,083
		9/8/10	17/9/10	40	70	48	0,017
Mỏ Cày Nam	An Định	31/8/10	24/10/10	55	181	181	0,018
	An Thạnh	16/8/10	23/8/10	8	35	35	0,125
	Cầm Sơn	1/9/10	13/10/10	43	218	206	0,022
	Mình Đức	11/8/10	3/11/10	85	998	724	0,009
	Ngãi Đăng	4/10/10	18/10/10	15	73	48	0,044
	Tân Trung	10/8/10	5/11/10	88	2.259	1.989	0,010
	Thành Thới B	8/9/10	9/10/10	32	197	191	0,030
		10/8/10	5/11/10	88	3.961	3.374	0,010
Thạnh Phú	Thới Thạnh	18/8/10	7/10/10	51	204	111	0,011
Tổng cộng		9/8/10	5/11/10	89	4.654	3.744	0,009

Qua bảng 3 cho thấy:

Tỷ suất mới mắc tại 161 hộ có dịch thuộc 4 huyện trong tỉnh từ ngày 9/8 đến ngày 5/11/2010 là 0,009 con-ngày. Điều đó có nghĩa là nếu theo dõi 1 con trong 1 ngày thì có 0,009 con có nguy cơ mắc. Nếu theo dõi 1.000 con trong 1 ngày thì có 9 con có nguy cơ mắc bệnh.

3.5. So sánh tỷ suất mới mắc giữa các huyện trong tỉnh

Nghiên cứu về tỷ suất mới mắc của 4 huyện trong tỉnh có diễn biến và thời gian có dịch khác nhau, chúng tôi thu được số liệu ghi nhận ở bảng 4

Bảng 4. So sánh tỷ suất mới mắc giữa các huyện trong tỉnh

Huyện có dịch	Thời gian có dịch	Số ngày có dịch	Tổng đàn để mắc	Số con mới mắc	Tỷ suất mới mắc (con-ngày)
Bình Đại	21/8 - 9/10/2010	50	419	211	0,01
Châu Thành	9/8 - 17/9/2010	40	70	48	0,017
Mỏ Cày Nam	10/8 - 5/11/2010	88	3.961	3.374	0,01
Thạnh Phú	18/8 - 7/10/2010	51	204	111	0,011

Qua bảng 4 cho thấy:

So sánh giữa các huyện có dịch thì Châu Thành có tỉ suất mới mắc cao nhất là 0,017 con-ngày. Điều đó có nghĩa là nếu theo dõi 1.000 heo trong thời gian có dịch ở huyện Châu Thành thì có 11con có nguy cơ mắc trong 1 ngày. Theo số liệu đàn heo của huyện Châu Thành có tổng đàn là 43.682 con, thì khả năng trong 1 ngày sẽ có 742 con có nguy cơ mắc bệnh, nếu không có sự can thiệp phòng chống bệnh.

So sánh tỉ suất mới mắc giữa huyện Châu Thành và huyện Bình Đại hoặc huyện Mỏ Cày Nam thì có thể nói tốc độ lây lan của bệnh heo tai xanh ở huyện Châu Thành lây lan nhanh gấp 1,7 lần (0,017/0,010) so với 2 huyện còn lại.

Điều này có thể giải thích: huyện Châu Thành là huyện cửa ngõ của tỉnh, giáp giới tỉnh Tiền Giang là tỉnh chịu thiệt hại nặng nề trong đợt dịch tai xanh năm 2010. Chịu áp lực từ việc bán chạy, vận chuyển heo bệnh và sản phẩm heo bệnh vào địa bàn cho nên tốc độ lây lan của huyện nhanh hơn các huyện còn lại.

3.6. So sánh tỉ suất mới mắc giữa các xã trong huyện Mỏ Cày Nam

(Mỏ Cày Nam là huyện có dịch nặng nề nhất trong năm 2010.)

Bảng 5. So sánh tỉ suất mới mắc giữa các xã trong huyện Mỏ Cày Nam

<i>Xã có dịch</i>	<i>Số ngày có dịch</i>	<i>Tổng đàn dễ mắc</i>	<i>Số con mới mắc</i>	<i>Tỷ suất mới mắc (con-ngày)</i>
An Định	55	181	181	0,018
An Thạnh	8	35	35	0,125
Cẩm Sơn	43	218	206	0,022
Minh Đức	85	998	724	0,009
Ngãi Đăng	15	73	48	0,044
Tân Trung	88	2.259	1.989	0,010
Thành Thới B	32	197	191	0,030

Bảng 5 cho thấy: Qua các xã có dịch trong huyện thì An Thạnh có tỉ suất mới mắc cao nhất là 0,125 con-ngày. Nếu đem so sánh với xã Tân Trung thì tốc độ lây lan ở xã An Thạnh gấp 12,5 lần (0,125/0,010=0,010). Nhưng xét về mặt số lượng con mắc và thời gian có dịch thì xã Tân Trung tuy có số lượng con mắc nhiều hơn nhưng thời gian dịch cũng kéo dài hơn (88 ngày), nên tỉ suất mới mắc thấp hơn..

Sở dĩ có hiện tượng này, theo chúng tôi có thể do ở xã An Thạnh chỉ ghi nhận được một hộ có dịch (nuôi 35 con) và toàn bộ số heo trong hộ đều là heo con, nên sau khi bệnh được phát hiện, người chăn nuôi khai báo và tiêu hủy ngay nên thời gian kết thúc của ổ dịch ngắn vì vậy có tỷ suất mới mắc cao.

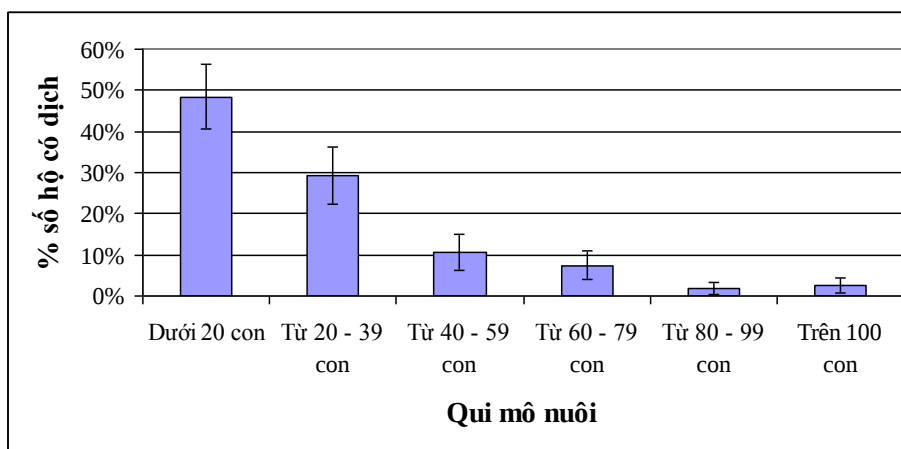
3.7. Tỷ lệ hộ có dịch theo qui mô chăn nuôi

Khảo sát 161 hộ có dịch tại 4 huyện có dịch trong tỉnh từ tháng 8-10/2010 dựa trên qui mô số heo nuôi trong từng hộ cho kết quả thu được ở bảng 6 và hình 1.

Bảng 6. Số hộ có dịch theo qui mô đàn (n=161)

<i>Qui mô nuôi (con /hộ)</i>	<i>Số hộ có dịch</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Khoảng tin cậy 95%</i>
Dưới 20 con	78	48,4%	[40,5 - 56,4]
Từ 20 - 39 con	47	29,2%	[22,3 - 36,9]
Từ 40 - 59 con	17	10,6%	[6,3 - 16,4]
Từ 60 - 79 con	12	7,5%	[3,9 - 12,7]

Từ 80 - 99 con	3	1,9%	[0,4 - 5,3]
Trên 100 con	4	2,5%	[0,7 - 6,2]



Hình 1. Tỷ lệ hộ có dịch theo qui mô nuôi và khoảng tin cậy 95%

Từ bảng 6 và hình 1 cho thấy:

- Dịch bệnh xảy ra tập trung phần lớn trên những hộ chăn nuôi với qui mô nhỏ, chủ yếu là nhóm hộ chăn nuôi dưới 40 con, chiếm tỉ lệ đến 78% (48,4% và 29,2%) số hộ nuôi có heo bệnh. Sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê đối với các nhóm còn lại.

- Tỷ lệ hộ có dịch giảm dần theo qui mô đàn, như đối với số hộ hoặc trại có qui mô nuôi từ 80 con trở lên thì tỷ lệ thấp (1,9% và 2,5%).

Như vậy, bệnh heo tai xanh tại Bến Tre xảy ra chủ yếu trên nhóm hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Điều này có thể giải thích: chăn nuôi nông hộ hình thức nhỏ lẻ không áp dụng các biện pháp an toàn sinh học: tập quán chăn nuôi tự phát, không áp dụng đúng quy trình phòng bệnh, vệ sinh môi trường kém; khi dịch bệnh xảy ra không áp dụng các biện pháp phòng chống theo qui định làm cho dịch dễ phát tán, lây lan.

Nhận xét này của chúng tôi cũng phù hợp với báo cáo của Cơ quan thú y vùng 6 tháng 11/2010 về tình hình hình dịch bệnh heo tai xanh xảy ra trong vùng thời gian qua.

3.8. Tỷ lệ mắc bệnh trên từng loại heo

Khảo sát 4.654 con heo tại các hộ có dịch trong tỉnh từ tháng 8-10/2010 chúng tôi ghi nhận được kết quả ở bảng 7.

Bảng 7. Tỷ lệ mắc bệnh trên từng loại heo trong đàn có bệnh

Loại heo	Tổng số	Số bệnh	Tỉ lệ	95% CI
Heo nái	699	505	72,2%	[68,8 - 75,5]
Heo con	2.414	121	5,0%	[4,2 - 6]
Heo thịt	1.541	1067	69,2%	[66,9 - 71,5]

Qua bảng 7 cho thấy:

- Bệnh tập trung chủ yếu ở heo nái và heo thịt. Nhóm heo con có tỉ lệ mắc thấp nhất (5%). Tuy nhiên, theo chúng tôi ở nhóm này, số liệu thu thập chưa được đầy đủ. Có thể do người nuôi khi có heo con chết thường chôn và không nhớ để khai báo đầy đủ.

Tỉ lệ này có sự thay đổi khác nhau: tỉ lệ mắc của heo nái, heo thịt và heo con theo báo cáo của Cục thú y (2010) lần lượt là 9.46%, 63.96%, và 26.57%; còn theo Cơ quan thú y vùng 6, tỉ lệ này lần lượt là 46.9%, 55.1 % và 56.2%.

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ mắc bệnh trong đàn có bệnh là 80,4% [79,3 - 81,6], tỷ lệ chết là 6,6% [5,9-7,3]
- Tỷ lệ mắc của heo nái, heo thịt và heo con trong đàn có bệnh lần lượt là 72,2% [68,8 - 75,5], 5,0% [4,2 - 6], 69,2% [66,9 - 71,5].
- Tốc độ lây lan trong đàn có bệnh bình quân trong 1 ngày là 9/1000 con (nếu theo dõi 1.000 con trong 1 ngày thì có 9 con có nguy cơ mắc)
- Tỷ lệ hộ có dịch đối với nhóm hộ chăn nuôi dưới 40 con chiếm 78% số hộ nuôi có heo bệnh; giảm dần ở những hộ hoặc trại có qui mô nuôi lớn hơn, từ 80 -100 con và 100 con trở lên chỉ còn 1,9% và 2,5%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.Birgit Schauer (2010) ‘Quản lý và phân tích cơ bản trên Excel, giám sát, chọn mẫu và vẽ bản đồ dữ liệu dịch tễ thú y’. Dự án New Zealand Aid Programme.
- 2.Cục Thống kê Bến Tre (2009) ‘Niên giám thống kê tỉnh Bến Tre 2008’.
- 3.Đào Trọng Đạt (2008) ‘Hội chứng sinh sản và hô hấp ở lợn (PRRS)’ *Khoa học kỹ thuật thú y. Khoa học kỹ thuật thú y ; 2008/Tập 15/Số 5 . 90-92.*
- 4.Đậu Ngọc Hào; Văn Đăng Kỳ; Nguyễn Văn Long; Tiêu Quang An (2008) ‘Một số đặc điểm dịch tễ hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp (PRRS) ở lợn từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 7/2008 tại một số tỉnh trong cả nước’. *Khoa học kỹ thuật thú y ; Tập 15, Số 5 . 14-20.*
- 5.Nguyễn Như Thanh (2011) ‘Giáo trình phương pháp nghiên cứu dịch tễ học thú y’. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.